

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày: 20-11- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Ký và ông Ngô Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lưu Thị Q (tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại xã X, TX. C, tỉnh Phú Yên; HKTT: Thôn 5, xã X, TX.C, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn K, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966; có chồng Phạm Kim S, sinh năm 1988 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/4/2010 bị TAND TX. C, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm tù về tội Cướp tài sản. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Vợ chồng bà Trần Thị H – sinh năm 1963, ông Nguyễn Hữu L – sinh năm 1959; đều trú tại: Thôn, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có yêu cầu xin vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Anh Phạm Đức T, sinh năm 1981; nơi ĐKTT: Khu phố Long Bình Đ, pH X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 21/12/2018, Lưu Thị Q xin đi nhờ xe bà Trần Thị H từ chợ C về ngã ba thôn T, xã X. Bà H điều khiển xe mô tô chở Q ngồi sau, Q nhìn thấy tài sản đựng trong túi ni lông màu trắng treo phía dưới tay lái bên phải xe mô tô nên nảy sinh ý định trộm cắp. Khi bà H dừng xe để cho Q xuống ngã ba thôn T, lợi dụng lúc bà H sơ hở, Q lén lút lấy túi ni lông, còn bà H Điều khiển xe sang đường về nhà. Sau đó, Q tiếp tục xin đi nhờ xe khác đến thôn P, X rồi lấy túi ni lông kiểm tra, bên trong có 01 điện thoại di động Samsung J6+, 01 hộp kính bên trong có 01 cặp kính viễn thị màu trắng, số tiền 200.0000 đồng, các loại giấy tờ tùy thân của H và một số đồ vật cá nhân theo lời bà H trình bày không còn giá trị sử dụng gồm ví đựng tiền màu đen và cái khẩu trang bột đầu. Sau đó, Q đón xe buýt đến cửa hàng “T2” thuộc thôn H, xã X bán điện thoại di động đã trộm cắp với giá 1.900.000 đồng để sử dụng tiêu xài. Ngày 23/12/2018, Q đem các loại giấy tờ trả cho bà H để xin thêm tiền, bà H nhận ra Q là người đã đi nhờ xe vào ngày 21/02/2018 và nghi ngờ Q đã trộm cắp tài sản, tuy nhiên bà H vẫn đưa cho Q số tiền 200.000 đồng. Đến ngày 28/12/2018, do lo sợ nên Q đến nhà bà H thừa nhận đã chiếm đoạt số tài sản nêu trên và hứa sẽ trả lại tài sản cho bà H. Ngày 20/5/2019, bà H báo cáo sự việc nêu trên cho Công an xã X.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG ngày 26/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã C kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+ đã qua sử dụng có giá trị theo giá thị trường tại thời điểm ngày 21/12/2018 là 2.600.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: 01 hộp giấy đựng điện thoại, 01 cặp kính màu trắng gọng đen kèm hộp đựng đã giao trả chủ sở hữu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+ đã qua sử dụng, tình trạng không truy tìm, thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Lưu Thị Q đã tự nguyện thỏa thuận bồi tH số tiền 2.500.000 đồng cho vợ chồng bị hại bà H, ông L. Vợ chồng bà H, ông L không yêu cầu bị cáo Q bồi tH gì thêm. Riêng đối với số tiền 200.000 đồng vợ chồng bà H, ông L đưa cho Q để nhận giấy tờ, vợ chồng bà H, ông L cho Q, không yêu cầu Q trả lại.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSSC ngày 09/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C đã truy tố bị cáo Lưu Thị Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lưu Thị Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Lưu Thị Q từ 06 – 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho bị hại nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và vợ chồng bà H, ông L đã tự nguyện thỏa thuận bồi tH, vợ chồng bà H, ông L không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra Công an thị xã C và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã C trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bị hại vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Hữu Lộc có yêu cầu xin xét xử vắng mặt và người làm chứng anh Phạm Đức Thiện vắng mặt. Giữa bị cáo Lưu Thị Q và vợ chồng bà H, ông L đã tự nguyện thỏa thuận bồi tH, theo đó bị cáo Q bồi tH cho vợ chồng bà H, ông L số tiền 2.500.000 đồng, đồng thời đối với số tiền 200.000 đồng vợ chồng bà H, ông L đưa cho Q để nhận giấy tờ, vợ chồng bà H, ông L xác định cho bị cáo Q số tiền này, không yêu cầu Q trả lại và không yêu cầu bị cáo Q bồi tH gì thêm. Người làm chứng anh Thiện đã có lời khai tại hồ sơ vụ án. Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại vợ chồng bà H, ông L và người làm chứng anh Thiện không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Lưu Thị Q tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 21/12/2018, tại thôn T, xã Xuân Phương, thị xã C, tỉnh Phú Yên, Lưu Thị Q có hành vi lén lút lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+ trị giá 2.600.000 đồng và số tiền 200.000 đồng của bà Trần Thị H. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.800.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Lưu Thị Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Do đó, quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 38/CT - VKSSC ngày 29/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan gì cho bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo có việc làm để mưu sinh nhưng khi thấy tài sản của người khác đã nảy sinh lòng tham, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo Lưu Thị Q là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác đồng thời còn xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, văn minh của cộng đồng dân cư.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, vào ngày 15/4/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã C xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo không rút ra được bài học, đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, lợi dụng sơ hở của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lưu Thị Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi tH thiệt hại để khắc phục hậu quả, học vắn thắp nên sự nhận thức và hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, được bị hại vợ chồng bà H, ông L xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, bản thân bị cáo cũng đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Xét nhân thân của bị cáo cũng như tính chất và mức độ tội phạm thì thấy cần cách ly bị cáo một thời gian, nhằm giáo dục riêng cũng như răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo nghề nghiệp làm thuê, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với anh Phạm Đức T đã có hành vi mua điện thoại Samsung J6+ do bị cáo Q trộm cắp nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lưu Thị Q đã tự nguyện thỏa thuận bồi tH số tiền 2.500.000 đồng cho vợ chồng bị hại bà H, ông L. Vợ chồng bà H, ông L không

yêu cầu bị cáo Q bồi tH gì thêm. Đồng thời đối với số tiền 200.000 đồng vợ chồng bà H, ông L đưa cho Q để nhận giấy tờ, vợ chồng bà H, ông L xác định cho bị cáo Q số tiền này, không yêu cầu Q trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng:

01 hộp giấy đựng điện thoại, 01 cặp kính màu trắng gọng đen kèm hộp đựng Cơ quan điều tra Công an thị xã C đã giao trả cho chủ sở hữu, người bị hại không có ý kiến gì khác nên không xem xét.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+ đã qua sử dụng, tình trạng không truy tìm, thu giữ được. Bị cáo Q và bị hại vợ chồng bà H, ông L đã tự thỏa thuận bồi tH, không có yêu cầu gì khác nên miễn xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lưu Thị Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo Lưu Thị Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lưu Thị Q đã tự nguyện thỏa thuận bồi tH số tiền 2.500.000 đồng cho vợ chồng bị hại bà H, ông L. Vợ chồng bà H, ông L không yêu cầu bị cáo Q bồi tH gì thêm. Đồng thời đối với số tiền 200.000 đồng vợ chồng bà H, ông L đưa cho Q để nhận giấy tờ, vợ chồng bà H, ông L xác định cho bị cáo Q số tiền này, không yêu cầu Q trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lưu Thị Q phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm ngày*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15

(mười lăm ngày) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND thị xã C (1);
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. C (1);
- Sở tư pháp (1);
- THA HS thị xã C (1);
- THA DS thị xã C (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Lưu HS, án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên

